

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H P**

Bản án số: 64/2022/DS-PT

Ngày 13/4/2022

V/v “Tranh chấp quyền sử
dụng đất và yêu cầu di dời tài
sản trên đất”

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khuru Đề Dành

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng

Ông Nguyễn Ngọc T

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử P thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 143/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Hện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số 25/2022/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa P thẩm số 66/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1937; địa chỉ: Tổ 4, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1991; địa chỉ: Khóm XB, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/7/2020) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: Số , ấp B, xã Mh, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1935; địa chỉ: Tổ 4, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Lê Văn P, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 5, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/8/2018) (có mặt).

Ông Nguyễn Tiên H, sinh năm 1958, địa chỉ: khóm, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2022) (có mặt).

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 03, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 05, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Bà Huỳnh Thu V, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 10, khóm XB, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Huỳnh T D, sinh năm 1973; địa chỉ: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Bà Huỳnh Thị Cẩm B, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp B Hòa, xã B Thành, Hện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 04, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Bà Huỳnh Út G, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 04, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1981; địa chỉ: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Huỳnh Út T, sinh năm 1982; địa chỉ: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1989; địa chỉ: khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Bà Lê Thị X, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 05, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Lê Văn K, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 05, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Lê Văn D, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 05, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Lê Văn T, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 05, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Bà Lê Thị Bạch H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số Hà Hoàng Hổ, khóm T, phường M, thành phố, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Bà Lê Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 05, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Lê Văn P, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ 05, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn P: Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1958, địa chỉ: khóm, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (theo Giấy ủy quyền ngày 09/3/2022) (có mặt).

Bà Cao Thị T, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 05, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Ông Lê Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 05, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn K kiện ngày 01 tháng 6 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Vào năm 1966, bà và c H là ông Huỳnh Văn Đực (đã chết năm 2006) được chính quyền chế độ cũ (Việt Nam dân chủ Cộng hòa) quy khu cho ở trên phần đất diện tích chiều ngang 12,3m, chiều dài 24m, tổng diện tích 295,2 m² tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Khi vào ở bà và ông Đực có cất 01 căn nhà khung cây (gỗ), mái lá, vách lá, nền đất, do thời gian đã lâu không nhớ rõ diện tích căn nhà là bao nhiêu. Năm 1978 chiến tranh biên giới Tây - Nam xảy ra, căn nhà của bà và ông Đực bị giặc đốt cháy hết nên gia đình đi sơ tán đến nơi khác ở. Đến năm 1980, khi tình hình chiến tranh biên giới Tây - Nam ổn định bà và ông Đực cùng các con quay trở về tiếp tục cất căn nhà khác trên phần diện tích đất chiều ngang 12,3m, chiều dài 24m mà chính quyền chế độ cũ quy khu cho ở năm 1966, căn nhà có diện tích chiều ngang khoảng 12m, chiều dài khoảng 8,5m, cấu trúc khung gỗ tạp, vách lá, mái lá, nền đất, một phần dùng để ở, một phần làm chuồng nuôi bò và ở từ năm 1980 cho đến nay, hiện trạng căn nhà không có gì thay đổi so với lúc cất ngoại trừ phần mái nhà sửa chữa lại lợp tole. Căn nhà và đất hiện chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất.

Theo đơn K kiện bà yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà phần đất có diện tích 295m², qua kết quả đo đạc thực tế theo bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Hện Tịnh Biên lập ngày 26/12/2018 thì diện tích bà đang sử dụng là 296,5m². Nay bà thay đổi yêu cầu là được công nhận quyền sử dụng đất cho bà phần đất có diện tích 296,5m².

Bà xác định phần diện tích đất bà đang ở, quản lý sử dụng hiện tại theo bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Tịnh Biên lập ngày 26/12/2018 có nguồn gốc là do chính quyền chế độ cũ quy khu cho bà và ông Đực ở từ năm 1966, thuộc quyền sở hữu của bà và ông Đực, không phải là của bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn Chinh, bà và ông Đực không có thỏa thuận mượn đất của bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn Chinh để ở nhờ như lời trình bày của bà N. Bà không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn P cùng thống nhất trình bày:

Trước năm 1970, chính quyền chế độ cũ (Việt Nam dân chủ Cộng hòa) có quy khu ấp chiến lược cho một số hộ dân vào ở trên phần đất của ông Lê Văn Trinh (Chinh) (đã chết 2004) và bà Nguyễn Thị N, trong đó có hộ của bà N và c H bà N là ông Trần Văn Đức ở với diện tích khoảng chiều ngang 12,3m, chiều dài 24m. Bà N và ông Đức ở cho tới khi chiến tranh biên giới Tây - Nam xảy ra năm 1977 thì di dời đi nơi khác và bỏ lại đất trống. Sau khi biên giới ổn định khoảng năm 1980 thì c H bà N và bà N có đến gặp ông Trinh (Chinh) và bà N xin cất căn nhà ở nhờ ngay trên phần đất diện tích khoảng chiều ngang 12,3m, chiều dài 24m mà trước đây vợ c H bà N được chính quyền chế độ cũ có quy khu ấp chiến lược cho ở, sau đó sơ tán do chiến tranh. Ông Trinh (Chinh) và bà N đồng ý cho ở nhờ, việc cho ở nhờ không có làm giấy tờ mượn đất mà chỉ nói miệng. Các hộ xin ở nhờ cùng thời điểm với vợ c H bà N như hộ ông Huỳnh Văn Gân, bà Nguyễn Thị Nòng, ông Phạm Văn Hên và bà Lê Thị Nguyễn hiện nay đã di dời và trả lại đất cho ông Chinh và bà N.

Bà N không chấp nhận yêu cầu K kiện của bà N, có yêu cầu phản tố buộc bà N di dời 01 căn nhà, 01 mái che (chuồng bò), 01 cây vú sữa, 01 cây mai, 01 cây xanh, 01 bụi tầm vong để trả lại cho bà diện tích đất 296,5m²; đồng thời công nhận cho bà quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích là 296,5m² theo bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Hện Tĩnh Biên lập ngày 26/12/2018, bà đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền 30.000.000 đồng.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thu V, ông Huỳnh T D, bà Huỳnh Thị Cẩm B, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Út G, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Út T, ông Hỳnh Ngọc T cùng thống nhất trình bày:

Thống nhất lời trình bày và yêu cầu K kiện của bà N, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác, không chấp nhận lời trình bày và yêu cầu phản tố của bà N.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn P, bà Lê Thị X, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Bạch H, bà Cao Thị T, ông Lê Văn H cùng thống nhất trình bày:

Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà N, không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Hện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang, quyết định:

Căn cứ vào Điều 95, Điều 99, Điều 101, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 15, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu K kiện của bà Lê Thị N.

Bà Lê Thị N là chủ sử dụng đối với diện tích đất 169,1 m² (thuộc thửa tạm 1, được xác định từ các điểm số 6, 24, 19, 7, 8 về 6) và diện tích đất 127,4 m² (thuộc thửa tạm 2, được xác định từ các điểm số 20, 19, 24, 21 về 20), tổng diện tích là 296,5 m² tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang theo Bản trích đo địa chính ngày 26/12/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Hện Tịnh Biên.

Bà Lê Thị N có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị N di dời các tài sản gồm:

- 01 căn nhà có diện tích 37,9 m² (được xác định từ các điểm số 1, 3, 23, 17 về 1), kết cấu: Nóng cây tạp, thân nhà bằng cây, vách tre, máy tol.

- 01 Chuồng bò (mái che) có diện tích 46,9 m² (được xác định từ các điểm số 7, 2, 17, 18 về 7), kết cấu: Nóng cây tạp, thân nhà bằng cây, vách cây tre không hoàn chỉnh, máy tol.

- 01 cây vú sữa.

- 01 cây mai nằm trong nhóm cây kiểng.

- 01 cây cây xanh nằm trong nhóm cây kiểng.

- 01 bụi cây tầm vong, có 66 cây, cao từ 5m đến 7m.

Để trả lại cho bà Nguyễn Thị N diện tích đất 296,5m², đồng thời công nhận cho bà Nguyễn Thị N quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 169,1 m² (thuộc thửa tạm 1, được xác định từ các điểm số 6, 24, 19, 7, 8 về 6) và diện tích đất 127,4 m² (thuộc thửa tạm 2, được xác định từ các điểm số 20, 19, 24, 21 về 20), tổng diện tích là 296,5 m² tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang theo Bản trích đo địa chính ngày 26/12/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Hện Tịnh Biên; Bà Nguyễn Thị N đồng ý hỗ trợ cho bà Lê Thị N số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ trong thi hành án dân sự.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, đơn bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Hện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Không chấp nhận yêu cầu K kiện của bà N, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà, buộc bà N di dời 01 căn nhà, 01 mái che (chuồng bò), 01 cây vú sữa, 01 cây mai, 01 cây xanh, 01 bụi tầm vong để trả lại cho bà diện tích đất 296,5m², đồng thời công nhận cho bà quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích là 296,5m² theo bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Hện Tịnh Biên lập ngày 26/12/2018, bà đồng ý hỗ trợ cho bà N số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa P thẩm, ông Nguyễn Tiến H là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngành phát biểu tranh luận cho rằng: Cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các

chứng cứ như lời trình bày của ông Lê Việt Hùng, ông Đặng Văn Đa, ông Huỳnh Văn Gân, bà Đặng Thị Chắc, bà Lê Thị Nguyên, bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa, do bà Ngành cung cấp; ngoài diện tích đất đang tranh chấp bên bà Nhựt còn có đất khác. Do đó, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà Ngành, không chấp nhận yêu cầu của bà Nhựt. Ông Lê Văn P thống nhất với tranh luận của ông Hưng không bổ sung gì thêm.

Ông Dương Văn Nghiệp là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nhựt phát biểu tranh luận: Diện tích đất tranh chấp đã được chế độ cũ cấp cho bà Nhựt từ năm 1966 và bà Nhựt đã sử dụng cho đến nay. Theo quy định của Luật Đất đai năm 1987, 1993, 2003 và 2013 thì Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất trong quá trình thực hiện chính sách đất đai. Do đó, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Lê Hoàng A thống nhất với tranh luận của ông Nghiệp không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nộp đơn kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục P thẩm.

[2] Những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu T hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Nguyên đơn bà bà Lê Thị Nhựt khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 296,5m². Bị đơn bà Nguyễn Thị N không chấp nhận yêu cầu K kiện của bà N, có yêu cầu phản tố buộc bà N di dời 01 căn nhà, 01 mái che (chuồng bò), 01 cây vú sữa, 01 cây mai, 01 cây xanh, 01 bụi tầm vong, để trả lại cho bà diện tích đất 296,5m². Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, nhưng bản án sơ thẩm chỉ xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là chưa đủ. Cần phải xác định “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất”.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, bà Nhựt là nguyên đơn khởi kiện bà Ngành là bị đơn, thì ông Huỳnh Văn Đực chồng bà Nhựt (đã chết năm 2006), ông Lê Văn Trinh (Chinh) chồng bà Ngành (đã chết năm 2004). Tòa án cấp sơ thẩm xác định các con của bà Nhựt với ông Đực và các con của bà Ngành với ông Trinh (Chinh) là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đưa vào tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đã xác định bà Nhựt là

nguyên đơn, bà Ngành là bị đơn thì không nhất thiết phải xác định thêm tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự như phần đầu của bản án phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bà Lê Thị N, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[4.1] Các đương sự thống nhất diện tích đất tranh chấp là 296,5 m² thuộc 02 thửa, gồm: Thửa tạm 1 với diện tích 169,1 m² và thửa tạm 2 với diện tích 127,4 m² (theo Bản trích đo địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Hện Tĩnh Biên lập ngày 26/12/2018) bà N đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc được chính quyền chế độ cũ (Việt Nam dân chủ Cộng hòa) quy khu cấp cho bà Nhựt và ông Đực cất nhà ở từ năm 1966.

Khi hiến tranh biên giới Tây - Nam xảy ra (1978), căn nhà của bà Nhựt và ông Đực bị giạt đốt cháy hết nên gia đình di dời đến nơi khác ở. Đến năm 1980, khi tình hình chiến tranh biên giới Tây - Nam ổn định, bà Nhựt và ông Đực cùng các con quay trở về tiếp tục cất lại căn nhà trên phần diện tích đất 296,5m² mà chính quyền chế độ cũ quy khu cho ở năm 1966, căn nhà có diện tích chiều ngang khoảng 12m, chiều dài khoảng 8.5m, cấu trúc khung gỗ tạp, vách lá, mái lá, nền đất, một phần dùng để ở, một phần làm chuồng nuôi bò và ở từ năm 1980 cho đến nay.

[4.2] Bà N cho rằng diện tích quyền sử dụng đất tranh chấp 296,5m² có nguồn gốc của bà và c H là ông Lê Văn Trinh (Chinh) nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh nguồn gốc quyền sử dụng đất diện tích 296,5m² là của bà.

Bà Ngành trình bày, sau khi chiến tranh biên giới ổn định khoảng năm 1980 thì bà N và ông Đực có đến gặp bà và ông Trinh (Chinh) xin cất căn nhà ở nhờ trên phần đất diện tích 296,5m² nhưng bà Nhựt không thừa nhận, bà Ngành cũng không chứng minh được việc bà Nhựt ông Đực có xin ở nhờ.

[4.3] Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà Ngành cung cấp tường trình của ông Huỳnh Văn Gân, ông Phạm Văn Hên, ông Lê Việt Hùng, ông Đặng Văn Đa, bà Nguyễn Thị Nòng, bà Lê Thị Nguyễn, bà Đặng Thị Chắc, bà Lê Thị Nguyên, bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa và cho rằng các hộ này xin ở nhờ cùng thời điểm với vợ c H bà N, hiện nay đã di dời và trả lại đất cho bà N.

Tòa án cấp sơ thẩm và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã xem xét và nhận thấy tường trình của các ông, bà nêu trên không xác định được vợ c H bà N có xin ở nhờ trên diện tích quyền sử dụng đất tranh chấp 296,5m² là của bà Ngành với ông Trinh (Chinh).

[4.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy yêu cầu kháng cáo của bà Ngành không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhựt là có căn cứ đúng quy định của Luật Đất đai. Do đó, chấp nhận đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nhựt và đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngành, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào Điều 95, Điều 99, Điều 101, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 15, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu K kiện của bà Lê Thị N.

Bà Lê Thị N là chủ sử dụng đối với diện tích đất 169,1 m² (thuộc thửa tạm 1, được xác định từ các điểm số 6, 24, 19, 7, 8 về 6) và diện tích đất 127,4 m² (thuộc thửa tạm 2, được xác định từ các điểm số 20, 19, 24, 21 về 20), tổng diện tích là 296,5 m² tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang theo Bản trích đo địa chính ngày 26/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Huyện Tịnh Biên (Kèm theo Bản trích đo địa chính).

Bà Lê Thị N có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị N di dời các tài sản gồm:

- 01 căn nhà có diện tích 37,9 m² (được xác định từ các điểm số 1, 3, 23, 17 về 1), kết cấu: Nóng cây tạp, thân nhà bằng cây, vách tre, máy tol;

- 01 Chuồng bò (mái che) có diện tích 46,9 m² (được xác định từ các điểm số 7, 2, 17, 18 về 7), kết cấu: Nóng cây tạp, thân nhà bằng cây, vách cây tre không hoàn chỉnh, máy tol;

- 01 cây vú sữa;

- 01 cây mai nằm trong nhóm cây kiểng;

- 01 cây cây xanh nằm trong nhóm cây kiểng;

- 01 bụi cây tầm vong, có 66 cây, cao từ 5m đến 7m;

Đề trả lại cho bà Nguyễn Thị N diện tích đất 296,5m², đồng thời công nhận cho bà Nguyễn Thị N quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 169,1 m² (thuộc thửa tạm 1, được xác định từ các điểm số 6, 24, 19, 7, 8 về 6) và diện tích đất 127,4 m² (thuộc thửa tạm 2, được xác định từ các điểm số 20, 19, 24, 21 về 20), tổng diện tích là 296,5 m² tọa lạc tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang theo Bản trích đo địa chính ngày 26/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Hện Tịnh Biên; Bà Nguyễn Thị N đồng ý hỗ trợ cho bà Lê Thị N số tiền 30.000.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị N không phải chịu chi phí đo đạc, chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu chi phí đo đạc, chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền chi phí đo đạc là 2.204.400 đồng (Hai triệu, hai trăm lẻ bốn ngàn, bốn trăm đồng), chi phí định giá tài sản là 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng), chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị N không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0004302 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

5. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- TAND Hện Tịnh Biên;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Hện Tịnh Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV và THAHS;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Khuu Để Dành